

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2022/DS-PT

Ngày: 08-9-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Tu.

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;
2. Ông Phạm Văn Tâm.

Th1 ký phiên tòa: bà Lê Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022, về việc: “tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 50/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 240/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Bích Th, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 53, đường số 1, ấp TPh, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Dương Lê T, sinh năm 1987; hộ khẩu Th1 ở trú: Tổ 3B, ấp SM, xã ThB, huyện ChT, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ liên lạc: Số 493, đường BL, khu phố NTh, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (Theo Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 14-3-2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Đ); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Hồng H, sinh năm 1971; bà Lê Ngọc Anh Th1, sinh năm 1969. Cư trú tại: Số 100, tỉnh lộ 793, ấp TPh, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Ông Lưu Hoàng Ng, sinh năm 1970; bà Võ Thị Hồng H, sinh năm 1975. Cư trú tại: Số 114B, đường số 4, tỉnh lộ 793, ấp TTr, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn Tu, sinh năm 1967. Cư trú tại: Số 53, đường số 1, ấp TPh, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bà Bùi Thị Bích Th – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Bích Th và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Dương Lê T trình bày:

Năm 2020, ông H, bà Th1 có tham gia góp 02 dây hội do bà Th làm chủ thảo, cụ thể:

- Dây thứ nhất: Hội 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 25-01-2020 (dương lịch ngày 18-02-2020), mãn hội vào ngày 25-3-2022 (dương lịch ngày 25-4-2022), hội có 27 phần, trong đó ông H, bà Th1 tham gia 02 phần. Ông H, bà Th1 đã hót 01 phần vào ngày 25-02-2020 (dương lịch ngày 18-02-2020) với số tiền là 91.250.000 đồng. Ông H, bà Th1 đóng hội chết đến ngày 25-01-2021 (dương lịch ngày 08-3-2021) thì ngưng. Tính đến ngày mãn hội ông H, bà Th1 còn nợ bà Th tiền hội chết là 13 tháng x 5.000.000 đồng/tháng = 65.000.000 đồng và 01 phần hội sống ông H, bà Th1 đã đóng (chưa hót) là 13 tháng x 5.000.000 đồng/tháng = 65.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hội 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 25-01-2020 (dương lịch ngày 18-02-2020), mãn hội vào ngày 25-3-2022 (dương lịch ngày 25-4-2022), gồm có 27 phần, trong đó ông H, bà Th1 tham gia 01 phần. Ông H, bà Th1 đã hót hội vào ngày 25-4-2020 (dương lịch ngày 17-5-2020) với số tiền là 90.700.000 đồng. Ông H, bà Th1 đóng hội chết đến ngày 25-01-2021 (dương lịch ngày 08-3-2021) thì ngưng, tính đến ngày mãn hội ông H, bà Th1 còn nợ bà Th tiền hội chết là 13 tháng x 5.000.000 đồng = 65.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hội chết ông H, bà Th1 còn nợ bà Th là 130.000.000 đồng. Sau đó, hai bên thỏa thuận khấu trừ số tiền hội sống ông H, bà Th1 đã đóng là 65.000.000 đồng vào tiền nợ hội nêu trên nên ông H, bà Th1 còn nợ bà Th số tiền 65.000.000 đồng.

Ông Lưu Hoàng Ng và bà Võ Thị Hồng H là em của ông H, bà Th1, sống ở gần nhà bà Th. Ông Ng, bà H không có giao dịch làm ăn gì với bà Th; tuy nhiên, để đảm bảo việc ông H, bà Th1 thanh toán cho bà Th số tiền hội còn thiếu nên vào ngày 02-4-2021, bà H và ông Ng viết giấy nhận đóng hội giùm ông H, bà Th1 số tiền 65.000.000 đồng, với nội dung: “*Giấy đóng hội. Hôm nay 2/4/2021. Tôi tên: Võ Thị Hồng H nhận đóng hội cho chị Th 65 triệu đồng, đóng 1 lần khi bán xong căn nhà, nếu tôi không đóng thì tôi chịu trách nhiệm*” nhưng sau đó bà H, ông Ng không thực hiện như Giấy nhận đóng hội. Ngoài giấy đóng hội ngày

02-4-2021, bà Th không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc ông Ng, bà H nhận đóng hui thay cho ông H, bà Th1.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu ông H, bà Th1, bà H, ông Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Th, ông Tu số tiền nợ hui 65.000.000 đồng; bà Th không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Võ Hồng H, bà Lê Ngọc Anh Th1 trình bày: ông H, bà Th1 xác nhận có tham gia góp hui như bà Th trình bày. Hiện tại ông H, bà Th1 còn nợ bà Th số tiền hui chết là 65.000.000 đồng. Nay ông H, bà Th1 đồng ý trả cho bà Thủy số tiền nợ hui 65.000.000 đồng.

Đối với nội dung “giấy đóng hui ngày 02-4-2021” là do bà Th ép ông H viết và ép ông Ng, bà H ký tên nhận đóng hui cho bà Th số tiền 65 triệu đồng. Đây là nợ của ông H, bà Th1, không liên quan đến bà H và ông Ng nên bà Thủy khởi kiện yêu cầu bà H và ông Ng cùng ông H, bà Th1 trả số tiền nợ hui 65.000.000 đồng là không đúng.

Bị đơn ông Lưu Hoàng Ng, bà Võ Thị Hồng H trình bày: bà H là em ruột của ông H. Ông Ng, bà H không vay tiền, không chơi hui với bà Thủy. Việc ông bà ký nhận vào “giấy đóng hui ngày 02-4-2021” là do bà Thủy ép buộc ông bà ký; khi nào ông Hải, bà Th1 có tiền đưa thì ông H, bà Ng sẽ mang đến đóng hui dùm cho bà Thủy. Do đó, ông Ng và bà H không đồng ý cùng ông H, bà Th1 trả cho bà Thủy số tiền nợ hui 65.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Tu trình bày: ông là chồng của bà Th. Số tiền nợ hui 65.000.000 đồng nêu trên là tài sản chung của vợ chồng, nay ông Tu thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 15- 6-2022 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích Th về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hui”.

- Buộc ông Võ Hồng H và bà Lê Ngọc Anh Th1 trả cho bà Bùi Thị Bích Th và ông Lê Văn Tu số tiền nợ hui là 65.000.000 đồng. Ghi nhận bà Bùi Thị Bích Th không yêu cầu tính lãi.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích Th đối với ông Lưu Hoàng Ng và bà Võ Thị Hồng H về buộc ông Ng và bà H có nghĩa vụ liên đới cùng ông Võ Hồng H và bà Lê Ngọc Anh Th1 trả cho bà Bùi Thị Bích Th số tiền nợ hui là 65.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 20-6-2022, nguyên đơn bà Bùi Thị Bích Th kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xét buộc ông H, bà Th1, bà H, ông Ng cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th số tiền 65.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Bùi Thị Bích Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th1 ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Bích Th; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà Bùi Thị Bích Th, ông Lê Văn Tu (*cả hai vắng mặt, có người đại diện theo ủy quyền*). Ông Võ Hồng H, bà Lê Ngọc Anh Th1, ông Lưu Hoàng Ng, bà Võ Thị Hồng H (*tất cả đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*). Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp với các điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Bích Th, xét thấy:

[2.1] Bị đơn ông Võ Hồng H, bà Lê Ngọc Anh Th1 có tham gia góp hụi do bà Bùi Thị Bích Th làm chủ thảo. Ông H, bà Th1 tham gia góp hai dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, gồm 27 phần, mở ngày 25-01-2020 âm lịch (tức ngày 18-2-2020 dương lịch) và mãn hụi vào ngày 25-3-2022 âm lịch (tức ngày 25-4-2022), trong đó 01 dây góp 01 phần và 01 dây góp 02 phần. Ông H, bà Th1 đã hót hết 02 phần hụi, với tổng số tiền là 181.950.000 đồng vào các ngày 25-2-2020 âm lịch (tức ngày 18-02-2020 dương lịch) thể hiện thông qua biên nhận nhận tiền hót hụi 91.250.000 đồng có chữ ký của bà Lê Ngọc Anh Th1 và ông Võ Hồng H (bút lục 07) và ngày 25-4-2020 âm lịch (tức ngày 17-5-2020 dương lịch) thông qua biên nhận nhận tiền hót hụi số tiền 90.700.000 đồng, có chữ ký và xác nhận của bà Th1, ông H. Ngoài ra, bà Th1, ông H còn 01 dây hụi sống chưa hót với số tiền hụi là 65.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền hụi sống, ông H, bà Th1 thừa nhận và đồng ý trả cho bà Th số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 65.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H, bà Th1 trả cho bà Th số tiền còn nợ hụi là 65.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà Th buộc ông Ng, bà H cùng liên đới trả nợ hụi cho bà Th số tiền 65.000.000 đồng, thấy rằng:

Ngày 02-4-2021, bà Võ Thị Hồng H cùng ông Lưu Hoàng Ng cùng ký giấy đóng hụi với nội dung: “Tôi tên Võ Thị Hồng H nhận đóng hụi cho chị Th 65.000.000 đồng, đóng một lần khi bán xong căn nhà” (bút lục 05). Bà Th căn cứ vào giấy đóng hụi này yêu cầu ông Ng, bà H cùng ông H, bà Th1 trả cho bà số tiền 65.000.000 đồng.

+ *Xét về chủ thể tham gia 02 dây hụi do bà Th làm chủ thảo:* căn cứ vào danh sách hụi viên – dây hụi 5.000.000 đồng (bút lục 42, 43) thì trong hai dây

hội này, ông Ng, bà H không tham gia bất kỳ dây hội nào của bà Th, trong hồ sơ không thể hiện việc đóng hội, hốt hội của ông Ng, bà H.

+ *Xét về việc chuyển giao nghĩa vụ*: ngày 02-4-2021, ông Ng, bà H có ký xác nhận và cam kết đóng hội cho bà Th 65.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong giấy cam kết này không có sự xác nhận của bà Th1, ông H và cả bà Th. Bên nguyên đơn, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ hội từ bà Th1, ông H sang cho bà H, ông Ng. Bà H, ông Ng đều cho rằng “giấy đóng hội” trên là bị ép buộc ký do bà Th đến nhà ông H để đòi nợ nên ông, bà ký (bút lục 35); đồng thời “giấy đóng hội” này được lập sau ngày khai hội (mở hội) và đã chốt nợ hội. Do đó, không có cơ sở buộc bà H, ông Ng cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ hội cho bà Th. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc buộc ông Ng, bà H liên đới trả 65.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị Bích Th; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án: “*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự*”, là chưa đúng với hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; vì số tiền nợ hội này nguyên đơn bà Th không yêu cầu tính lãi; do đó, cần điều chỉnh về phần nghĩa vụ do chậm thi hành án, “*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành còn pH chịu tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự*”.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Bích Th nên bà Th pH chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Bích Th.
3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; các Điều 16, 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biểu, phường; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích Th về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hộ”.

5.1. Buộc ông Võ Hồng H và bà Lê Ngọc Anh Th trả cho bà Bùi Thị Bích Th và ông Lê Văn Tu số tiền nợ hộ là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Bùi Thị Bích Th không yêu cầu tính lãi.

5.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích Th đối với ông Lưu Hoàng Ng và bà Võ Thị Hồng H về buộc ông Lưu Hoàng Ng và bà Võ Thị Hồng H có nghĩa vụ liên đới cùng ông Võ Hồng H và bà Lê Ngọc Anh Th trả cho bà Bùi Thị Bích Th số tiền nợ hộ là 65.000.000 đồng.

5.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành còn pH chịu tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Về án phí:

6.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Hồng H và bà Lê Ngọc Anh Th chịu 3.250.000 (ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Bà Bùi Thị Bích Th không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.625.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000884 ngày 28-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

6.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Bùi Thị Bích Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Th đã nộp theo Biên lai thu số 001071 ngày 20-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà Th đã nộp xong.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS tp Tây Ninh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn